

TÒA ÁN NHÂN DÂN

KHU VỰC 1 - HUẾ

Bản án số: 89/2026/HS-ST

Ngày: 20/4/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:** Ông Lê Vũ Tiến

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Dũng

Bà Ngô Thị Phước Nhi

- **Thư ký ghi biên bản phiên Tòa:** Ông Trương Công Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Huế.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Long - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Huế (Địa chỉ: Số F N, phường T, thành phố H) đã xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2026/TLST-HS, ngày 11 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2026/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần T (tên gọi khác: T1), sinh ngày 16/6/2002 tại thành phố H; căn cước số 046202000677; nơi cư trú: Số A N, phường A, thành phố H; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông Trần H, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị truy nã theo Quyết định số 3821/QĐTN-ĐCSHS ngày 28/10/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H. Vắng mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Trần Nhật S, sinh năm 2004. Địa chỉ: 8 Bà T, phường V, thành phố H. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Huỳnh Anh Q, sinh năm 2005. Địa chỉ: B Hồ Đ, phường A, thành phố H. Vắng mặt.

2. Anh Trần Hữu T2, sinh năm 2002. Địa chỉ: 3 N, phường A, thành phố H. Vắng mặt.

3. Anh Trần Hữu Quang B, sinh năm 2006. Địa chỉ: Tổ I, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

4. Anh Võ Quang Tuấn K, sinh năm 2003. Địa chỉ: 5 T, phường T, thành

phố H. Vắng mặt.

5. Chị La Gia A, sinh năm 2004. Địa chỉ: H N, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

6. Chị Ngô Thị Thúy P, sinh năm 1998. Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

7. Chị Lương Thị Thùy M, sinh năm 1990. Địa chỉ: 1 P, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

8. Anh Võ Đại Minh H2, sinh năm 2001. Địa chỉ: 1 T, phường T, thành phố H. Vắng mặt.

9. Anh Hồ Đăng S1, sinh năm 1990. Địa chỉ: B kiết A N, phường A, thành phố H. Vắng mặt.

10. Anh Trần Cao C, sinh năm 1980. Địa chỉ: C B, phường P, thành phố H. Vắng mặt.

11. Anh Ngô Văn Tuấn A1, sinh năm 2004. Địa chỉ: 2 N, phường V, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó Trần Nhật S (sinh năm 2004, trú tại 8 Bà T, phường V, thành phố H) có nợ tiền Trần T nhưng không trả nên T nói với Trần Hữu T2 (sinh năm 2002, thường trú 3 N, phường A, thành phố H) và nhờ T2 đòi nợ giúp T, T2 đồng ý. Sau đó, T2 biết Nguyễn Huỳnh Anh Q (sinh năm 2005, thường trú 28 Hồ Đ, phường A, thành phố H) là bạn của S nên đã nhờ Q tìm S giúp T2, Q đồng ý.

Khoảng 14 giờ ngày 23/02/2024, khi Q và Trần Hữu Quang B (sinh năm 2006, thường trú Tổ I, phường T, thành phố H) đi cắt tóc tại tiệm P2 đường D, thành phố H, thì gặp S đi với anh Ngô Văn Tuấn A1 (sinh năm 2004, trú tại: 2 N, phường V, thành phố H) Q mượn điện thoại OPPO A76 của B gọi điện cho T2, T2 nói với Q là bắt S lại. Q nói với B là T2 nói bắt S lại do S nợ tiền và bàn với nhau để S cắt tóc xong rồi giữ lại. Một lúc sau, Q nói với S đứng đợi đó để T2 đến nói chuyện nợ nần rồi Q cùng B đi ra bên ngoài quán, S đi theo sau và đứng đối diện Q và B bên ngoài quán cắt tóc tại đầu kiết H đường D, phường A, thành phố H. Lúc này, S nhắn tin cho chị La Gia A (sinh năm 2004, thường trú tại H N, phường T, thành phố H) là người yêu của S và nhờ chuyển cho Trần T số tiền 2.500.000 đồng để trả nợ cho T thì chị A đồng ý chuyển khoản.

Khi Q gọi điện thoại cho T2 thì T2 đang đi xe ô tô taxi cùng T và chị Ngô Thị Thúy P (sinh năm 1998, thường trú tại tổ dân phố B, phường T, thành phố H) để đến nhà của Lương Thị Thùy M (sinh năm 1990, địa chỉ số A P, phường T, thành phố H) chơi nên T2 nói T cùng đến gặp S để đòi nợ và nói tài xế chở đến đường D, phường A, thành phố H.

Khoảng 15 giờ 56 phút cùng ngày, sau khi đến gần quán C1 ở đường D, thành phố H thì cả ba xuống xe, T2 đi trước, T đi sau, P đi sau cùng đến gần nơi

S đang đứng tại đầu kiệt H đường D, phường A, thành phố H. Lúc này T2 đi đến rồi dùng tay kẹp cổ S, nói với S “nếu mi không đi thì coi chừng ngón tay của mi” rồi đưa S lên xe ô tô, T và P cũng lên xe. T2 nói tài xế xe taxi đến nhà của Lương Thị Thùy M ở địa chỉ số A P, thành phố H. Trên xe, T2 ngồi ở giữa phía sau, S ngồi bên tay phải, bên trái là T, còn P ngồi ở phía trước xe, lúc này T hỏi S khi nào trả tiền thì S im lặng. Còn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59D3-079.24 (xe B mượn từ anh Nguyễn Văn D, sinh năm 2000, thường trú tại 3 Bà T, phường V, thành phố H) chở Q đi phía sau xe taxi để hỗ trợ.

Đến khoảng 16 giờ 06 phút ngày 23/02/2024, khi đến trước nhà M, T2 kẹp cổ S xuống xe còn T, Q và B cùng đi theo hỗ trợ, P sau khi xuống xe thì đi ăn bánh canh. Cả nhóm đi lên phòng của chị M ở tầng 2 nhà số A P, phường T, thành phố H, lúc này trong phòng có M, Võ Đại Minh H2 (sinh năm 2001, thường trú tại 1 T, phường T, thành phố H), Hồ Đăng S1 (sinh ngày 18/8/1990, thường trú tại B kiệt A N, phường A, thành phố H), Trần Cao C (sinh năm 1980, thường trú tại C B, phường P, thành phố H) và Võ Quang Tuấn K (sinh ngày 11/11/2003, thường trú: 5 T, phường T, thành phố H) đang ngồi nhậu. T2 gõ cửa thì có người mở cửa, T2 cùng T đưa S vào phòng còn Q và B không được vào nên đi ra đầu kiệt 14 Phạm Hồng T3, thành phố H ngồi uống cà phê. Sau khi vào nhà, T2 bảo S vào ngồi ở cạnh giường ngủ, S chỉ S và hỏi ai đây thì T2 nói đây là em của em và có mượn tiền nhưng không trả, còn T hỏi S vì sao nợ 65.000.000 đồng đến hạn mà không trả nợ thì S trả lời chưa có tiền. Sau đó, T2 xuống bếp cầm 1 con dao gọt hoa quả lên đe dọa S phải trả tiền nếu không sẽ chặt ngón tay nhưng S im lặng không nói gì. Tiếp đó, T2 và T lấy điện thoại di động của S để kiểm tra tiền trong tài khoản ngân hàng của S nhưng không có. Khi thấy S không chịu trả tiền cho T thì K cầm 1 con dao đến đe dọa nếu S không trả nợ thì sẽ chặt 02 ngón tay của S nên S không dám chống cự mà ngồi im lặng và bị giữ ở trong phòng.

Đối với những người còn lại trong phòng chị M thì không có hành vi, lời nói gì đe dọa S, hay giúp sức cho T2 và T trong quá trình giữ S. Sau khi S bị nhóm T2 bắt đi thì anh Ngô Văn Tuấn A1 đã điện thoại báo cho chị La Gia A biết, chị A có gọi cho T hỏi lý do vì sao bắt S, T mở loa ngoài điện thoại nghe thì chị M liền nói T2 và T ra ngoài quán cà phê mà nói chuyện vì làm ồn ào trong phòng. Sau đó, chị A cùng bạn trình báo cơ quan chức năng, đến khoảng 17 giờ cùng ngày lực lượng Công an thành phố Huế tiến hành kiểm tra thì S mới được ra về.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax, dung lượng 256 GB, màu xám titan, số Imei: 351858372391629 đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax, dung lượng 512 GB, màu xanh titan, số Imei: 354047772364579 đã qua sử dụng.

+ 01 (một) con dao dài 29,5 cm, cán dao làm bằng gỗ màu nâu dài 12,5 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 17 cm màu trắng sáng đã qua sử dụng.

+ 01 (một) con dao dài 34 cm, cán dao làm bằng nhựa màu đen dài 12 cm, - lưỡi dao làm bằng kim loại dài 17 cm màu trắng sáng đã qua sử dụng.

+ 01 đĩa CD-R chứa dữ liệu video ngày 23/02/2024 tại ngã D - L, phường A, thành phố H.

+ 01 đĩa CD-R chứa dữ liệu video ngày 23/02/2024 tại địa chỉ số A P, phường T, thành phố H.

+ 02 đĩa CD chứa dữ liệu video.

Tại bản Cáo trạng số 113/CT-VKSKV1 ngày 11 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế đã truy tố bị cáo Trần T về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần T 01 năm đến 01 năm 3 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Đối với các bị cáo Trần Hữu T2, Nguyễn Huỳnh Anh Q, Trần Hữu Quang B và Võ Quang Tuấn K đã được điều tra, truy tố và xét xử, giải quyết theo Bản án số: 384/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Nhật S không có yêu cầu gì nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Các vật chứng: 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax, dung lượng 512 GB, màu xanh titan, số Imei: 354047772364579 đã qua sử dụng; 01 (một) con dao dài 29,5 cm, cán dao làm bằng gỗ màu nâu dài 12,5 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 17 cm màu trắng sáng đã qua sử dụng; 01 (một) con dao dài 34 cm, cán dao làm bằng nhựa màu đen dài 12 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 17 cm màu trắng sáng đã qua sử dụng; 01 (một) đĩa CD-R chứa dữ liệu video ngày 23/02/2024 tại ngã D - L, phường A, thành phố H; 01 (một) đĩa CD-R chứa dữ liệu video ngày 23/02/2024 tại địa chỉ số A P, phường T, thành phố H và 02 (hai) đĩa CD chứa dữ liệu video đã được giải quyết theo Bản án số: 384/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đề nghị trả lại 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax, dung lượng 256 GB, màu xám titan, số Imei: 351858372391629 đã qua sử dụng cho chủ sở hữu là Trần T.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Do

đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng, tại phiên tòa bị cáo vắng mặt và đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, hiện đang bị truy nã theo Quyết định số 3821/QĐTN-ĐCSHS ngày 28/10/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, vắng mặt bị cáo Trần T, tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Trần T đã có lời khai nhận trong hồ sơ vụ án và cũng phù hợp với các tình tiết như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố cũng như với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 56 phút ngày 23/02/2024, Trần T cùng các đồng phạm là Trần Hữu T2, Nguyễn Huỳnh Anh Q, Trần Hữu Quang B đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực bắt anh Trần Nhật S tại đường D, thành phố H và đưa đến địa chỉ số A P, phường T, thành phố H để giữ anh S tại đây trong khoảng thời gian từ 16 giờ 06 phút đến 17 giờ cùng ngày thì được Công an thành phố H phát hiện, giải cứu. Hành vi bắt, giữ người nói trên của Trần T và các đồng phạm là trái pháp luật.

Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Huế truy tố bị cáo Trần T về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhận thấy:

Bị cáo Trần Thanh là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn đe dọa yêu cầu trả nợ, bị cáo đã có hành vi bắt, giữ người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tự do thân thể của con người. Mặc khác, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ đi khỏi nơi cư trú và hiện đang bị truy nã theo Quyết định số 3821/QĐTN-ĐCSHS ngày 28/10/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H.

Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức phạt thích đáng, tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét vai trò đồng phạm trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn. Bị cáo Trần Hữu T2 là người khởi sự và trực tiếp bắt bị hại Trần Nhật S, bị cáo Trần T cùng với Nguyễn Huỳnh Anh Q, Trần Hữu Quang B và Võ Quang Tuấn K tham gia với vai trò là người giúp sức.

Hiện các bị cáo Trần Hữu T2, Nguyễn Huỳnh Anh Q, Trần Hữu Quang B và Võ Quang Tuấn K đã được xét xử và giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 384/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[5]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Trần T có nhân thân tốt.
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào;
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử; xét thấy bị cáo Trần T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về hình phạt: Sau khi xem xét nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo cải tạo, tu dưỡng bản thân, trở thành người có ích cho xã hội.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vật chứng: 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax, dung lượng 512 GB, màu xanh titan, số Imei: 354047772364579 đã qua sử dụng; 01 (một) con dao dài 29,5 cm, cán dao làm bằng gỗ màu nâu dài 12,5 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 17 cm màu trắng sáng đã qua sử dụng; 01 (một) con dao dài 34 cm, cán dao làm bằng nhựa màu đen dài 12 cm, -lưỡi dao làm bằng kim loại dài 17 cm màu trắng sáng đã qua sử dụng; 01 đĩa CD-R chứa dữ liệu video ngày 23/02/2024 tại ngã D - L, phường A, thành phố H; 01 đĩa CD-R chứa dữ liệu video ngày 23/02/2024 tại địa chỉ số A P, phường T, thành phố H và 02 đĩa CD chứa dữ liệu video đã được giải quyết theo Bản án số: 384/2024/HS-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax, dung lượng 256 GB, màu xám titan, số Imei: 351858372391629 đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Trần T và không sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Trần Thanh .

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Thanh P1 chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

[2]. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thanh 0 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

[3]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên: Trả lại cho Trần T: 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Promax, dung

lượng 256 GB, màu xám titan, số Imei: 351858372391629 đã qua sử dụng.
(*Tình trạng vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố H và Phòng thi hành dân sự Khu vực 1 - Huế ngày 24/02/2026*).

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thanh P1 chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND Khu vực 1–Huế
- Phòng PV06 CA TP.Huế;
- CQĐT CA TP.Huế;
- CQ THAHS CA TP.Huế;
- Phòng THADS Khu vực 1-Huế;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vũ Tiến